

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NINH HÒA
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 08-11-2021
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thùy My**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Chung**
Bà **Lê Thị Hoa**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Bùi Thị Bích** - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà **Phan Minh Phương** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 65/2021/ TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ ra xét xử số 94/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2021, Thông báo dời ngày xét xử số 82/2021/TB-TA ngày 13 tháng 9 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 94/2021/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn H** – Sinh năm: 198

Nơi cư trú: Thôn X, xã T, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông **Lê C** – Sinh năm: 197

Nơi cư trú: Thôn X, xã T, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 24/02/2021, bản tự khai, biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải, nguyên đơn bà Nguyễn H trình bày:* Bà và ông Lê C tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn năm 2003 tại UBND xã S, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa. Trong thời gian chung sống với nhau, giữa bà và ông C xảy ra nhiều mâu thuẫn, do tính tình không hòa hợp, vợ chồng thường xuyên kinh cãi, ông C thường xuyên uống rượu, xúc phạm danh dự, đánh đập bà và không quan tâm đến gia đình và con cái. Hiện tại bà và ông C đã không còn chung sống với nhau hơn nửa năm nay. Nay cuộc sống vợ chồng mâu thuẫn gay gắt, bà xác nhận tình cảm của vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông C.

Về con chung: Bà và ông C có hai con chung là cháu Lê T – sinh ngày: 18/01/200 và cháu Lê K – sinh ngày: 01/7/200, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà và ông C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai, biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải, bị đơn ông Lê C trình bày:*

Ông và bà Nguyễn H kết hôn năm 2003 tại UBND xã S, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa. Trong thời gian chung sống với nhau, giữa ông và bà H không có mâu thuẫn lớn, chung sống vẫn hạnh phúc và mong muốn hàn gắn tình cảm gia đình để cùng nuôi dạy các con. Nay ông không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà H.

Về con chung: Ông và bà H có hai con chung là Lê T – sinh ngày: 18/01/2000 và Lê K – sinh ngày: 01/7/2000, nếu buộc phải ly hôn thì ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và ông không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến trình bày:*

+ Về thủ tục tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án là đúng theo quy định.

Đối với nguyên đơn bà Nguyễn H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà H là đúng theo quy định của pháp luật.

Về thu thập tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc giải quyết vụ án: Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

+ Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn H được ly hôn với ông Lê C.

- Về con chung: Giao hai con chung là cháu Lê T – sinh ngày: 18/01/2000 và cháu Lê K – sinh ngày: 01/7/2005 cho bà Nguyễn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà H không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Bà H, ông C không yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

- Về án phí: Bà Nguyễn H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn H có đơn yêu cầu Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nên thuộc trường hợp có lý do chính đáng. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn H.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Nguyễn H yêu cầu được ly hôn với ông Lê C và yêu cầu giải quyết nuôi con chung nên Hội đồng xét xử xác định đây là ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử xét thấy bà Nguyễn H và ông Lê C tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa theo Giấy chứng nhận kết hôn số 11/2003 ngày 10/02/2003. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn H và ông Lê C là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu của đương sự, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, biên bản xác minh và được thẩm tra công khai tại phiên tòa nhận thấy:

Xét thấy trong quá trình chung sống giữa bà H và ông C thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không ai còn quan tâm đến ai, tình cảm vợ chồng hiện nay không còn. Hội đồng xét xử xét thấy, xuất phát từ những bất đồng quan điểm trong cuộc sống chung dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt dần, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của bà H là phù hợp. Trên cơ sở xem xét quan điểm trình bày của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa là phù hợp với Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Bà H và ông C có hai con chung là cháu Lê T – sinh ngày: 18/01/2000 và cháu Lê K – sinh ngày: 01/7/2000 ; bà H yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu đến tuổi trưởng thành; bà H không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy: Việc giao con chung cho ai trực tiếp nuôi dưỡng căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Xét thấy: Trong vụ án này, từ khi mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, bà H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Hiện nay các cháu đang đi học, sống ổn định cùng với mẹ và nguyện vọng của các cháu là muốn sống cùng mẹ sau khi ly hôn. Do đó, quan điểm trình bày của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa là phù hợp với Hội đồng xét xử nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn giao cháu T và cháu K cho bà H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành; ông C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở theo quy định tại Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.3] Về tài sản chung: Bà Nguyễn H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn H phải chịu án phí dân sự về giải quyết tranh chấp hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 232, Điều 264, Điều 266, Điều 269, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn H được ly hôn với ông Lê C.

2. Về con chung: Giao hai con chung là cháu Lê T – sinh ngày: 18/01/2000 và cháu Lê K – sinh ngày: 01/7/2000 cho bà Nguyễn H trực tiếp trông nom, chăm sóc,

nuôi dưỡng, giáo dục đến trưởng thành (đủ 18 tuổi), bà H không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung. Ông C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con khi cần thiết cha, mẹ có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung hoặc khi có căn cứ theo điểm b khoản 2 và khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình thì cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn H không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí: Bà Nguyễn H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự về giải quyết tranh chấp hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0004859 ngày 02 tháng 3 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ninh Hòa. Bà Nguyễn H đã nộp đủ án phí.

Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Quy định chung: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã Ninh Hòa;
- Chi cục THADS thị xã Ninh Hòa;
- UBND xã S, theo GCNKH số 11/2003 ngày 10/02/2003, khi án có hiệu lực;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

Phạm Thùy My